

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÀM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2024/HS-ST
Ngày: 27 - 12 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÀM SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thơm

Ông Phạm Văn Hay

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 54/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/HSST-QĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Dur Văn T - Sinh năm 1983 tại thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; Số CCCD: 038083018309; Nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Dur Văn D (đã chết) và bà: Phạm Thị L; có vợ là Nguyễn Thị H và 03 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

Người bị hại: Ngân hàng TMCP Q

Địa chỉ: Tầng A (tầng trệt); tầng 2 Tòa nhà S - A P, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thanh H1 – GDV ngân hàng TMCP Q chi nhánh T2; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: B L, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

Người làm chứng: 1. Chị Lê Thị T1 – SN 1987; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đức Thành, xã Hoàng Cát, huyện Bá Thước, Thanh Hóa

2. Anh Trần Ngọc Nam A – SN 1997; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số E, đại lộ L, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 12/2023, Dư Văn T, sinh năm 1983, ở tổ dân phố (TDP) P, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa làm hồ sơ thế chấp bất động sản tại phường Q, thành phố S theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 072918 đứng tên Dư Văn T cho Ngân hàng V chi nhánh T2, địa chỉ tại số B L, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa để vay tiền.

Ngày 05/12/2023, Dư Văn T được ngân hàng V chi nhánh T2 phê duyệt cho vay số tiền là 1.640.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm bốn mươi triệu đồng) được thể hiện tại hai hợp đồng tín dụng số 5459433.23 và số 6440420.23. Cùng ngày, người làm hồ sơ vay cho Dư Văn T là anh Trần Ngọc Nam A, sinh năm 1997, ở số B T, phường T, thành phố T (là cán bộ ngân hàng V), sau khi hoàn tất hồ sơ vay vốn cho Dư Văn T, Trần Ngọc Nam A chuyển hồ sơ vay đến chị Lê Thị T1, sinh năm 1987, ở thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (là cán bộ tín dụng của ngân hàng V) để thực hiện giải ngân. Theo hồ sơ vay thì số tiền vay của Dư Văn T được chia thành 02 khoản gồm một khoản 800.000.000 đồng và một khoản 840.000.000 đồng, việc giải ngân 02 khoản vay trên Dư Văn T yêu cầu được giải ngân bằng tiền mặt. Ngân hàng V quy định quy trình giải ngân thì chị T1 phải giải ngân 02 khoản tiền vay của Dư Văn T vào tài khoản trung gian của ngân hàng, nhưng do sơ suất trong thao tác chị T1 đã chuyển giải ngân số tiền 800.000.000 đồng vào tài khoản số 407704060410765 của Dư Văn T và khi nhận được số tiền 800.000.000 đồng từ ngân hàng V, T đã gọi điện thông báo cho anh Trần Ngọc Nam A biết việc T đã nhận được 800.000.000 đồng tiền giải ngân.

Ngày 06/12/2023, Dư Văn T đến ngân hàng V chi nhánh T2 để tiếp tục nhận tiền vay, tại đây giao dịch viên Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1995, ở số nhà A đường N, phường B, thành phố T (là cán bộ của ngân hàng V) tiếp tục giải ngân bàn giao tiền mặt cho T tổng số tiền là 1.640.000.000 đồng, thể hiện tại hai phiếu chi số 1349824 và số 1349728. Dư Văn T biết ngân hàng N chuyển dư số tiền 800.000.000 đồng vào tài khoản số 407704060410765 của T, nhưng do đang cần tiền trả nợ nên T không thông báo cho phía ngân hàng V chi nhánh

Thanh Hóa biết mà sử dụng toàn bộ số tiền nhận được của ngân hàng V để sử dụng cá nhân.

Đến ngày 21/12/2023, ngân hàng V chi nhánh T2 đến nhà của Dư Văn T để làm việc, yêu cầu T trả lại số tiền 800.000.000 đồng, T thừa nhận có nhận được số tiền 800.000.000 đồng của ngân hàng V và T trả lại được cho ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng. Sau đó đến ngày 26/12/2023, T trả lại số tiền 350.000.000 đồng và ngày 30/12/2023, T tiếp tục trả lại cho ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng. Còn lại 300.000.000 đồng, ngân hàng V đã nhiều lần đến nhà làm việc với Dư Văn T và thông báo bằng văn bản nhiều lần yêu cầu anh T phải trả lại nhưng anh Dư Văn T vẫn không trả lại cho ngân hàng V chi nhánh T2.

Ngày 08/5/2024, ngân hàng V chi nhánh Thanh H2 làm đơn trình báo đến Cơ quan công an.

Bản kết luận giám định số 2358/KL-KTHS, ngày 19/6/2024 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: Chữ viết “T” cuối trang, chữ ký dạng chữ viết “T”, chữ viết “Dư Văn T” dưới mục bên vay ở mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2), dưới mục “người nhận tiền” ở mẫu cần giám định (ký hiệu A3, A4) so với chữ ký dạng chữ viết của Dư Văn T ở các mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M4) là của cùng một người viết ra.

Về trách nhiệm dân sự: Dư Văn T đã trả lại đủ cho Ngân hàng V chi nhánh T2 tổng số tiền 300.000.000 đồng.

Cáo trạng số 62/CTr-VKS-HS ngày 01/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn truy tố Dư Văn T về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 176 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng: khoản 2 Điều 176; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS.

Đề nghị tuyên bố: Dư Văn T phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”. Mức án đề nghị xử phạt Dư Văn T mức án từ 18 đến 24 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng; M hình phạt bổ sung cho bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo đã khắc phục bồi thường cho bị hại, đại diện bị hại không có yêu cầu gì khác nên không xem xét; Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về phần thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa bị cáo, đại diện bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng.

[2]. Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định ngày 30/12/2023 sau khi nhận được số tiền do Ngân hàng V chi nhánh T2 chuyển nhầm, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu trả lại nhưng bị cáo đã không trả mà chiếm giữ trái phép số tiền là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) của Ngân hàng TMCP Q (V) chi nhánh T2. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở khẳng định bị cáo đã phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 176 BLHS. Do đó việc truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Tính chất của vụ án là nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự xã hội, xem thường kỷ cương pháp luật. Vì vậy cần phải được xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. Xét nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả trả lại số tiền chiếm giữ cho bị hại, bị cáo có bố và mẹ được tặng Bằng khen đã có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và Giấy chứng nhận đã hoàn thành nhiệm vụ Thanh niên xung phong phục vụ kháng chiến, bị cáo tham gia tích cực trong việc ủng hộ quỹ vì người nghèo tại địa phương, ngoài ra đại diện bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS nên khi lượng hình cũng nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Căn cứ vào tính chất mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, lần đầu phạm tội nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo và cải tạo giáo dục tại địa phương cũng đủ để giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo công tác đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo đã khắc phục bồi thường cho bị hại, đại diện bị hại không có yêu cầu gì khác nên miễn xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là lao động tự do, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo

[7] Án phí: Bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định tại Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 2 Điều 176; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 BLTTHS.

Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Dư Văn T phạm tội “*Chiếm giữ trái phép tài sản*”

Xử phạt: Dư Văn T 24 (hai mươi bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

“Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự”.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo đã khắc phục bồi thường cho bị hại, đại diện bị hại không có yêu cầu gì khác nên miễn xét.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí HSST

Bản án này là sơ thẩm bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày nếm yết bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Đại diện bị hại;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND TP. Sầm Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an TP. Sầm Sơn;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Thi hành án HS, DS TP. Sầm Sơn;
- Lưu HSVA.

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng